

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HOÀ BÌNH
Bản án số: 02/2021/HSST
Ngày 03/02/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Phi

+ Ông Nguyễn Mộng G

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Trung Kiên; Kiểm sát viên.

Ngày 03/02/2021 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hoà Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/HSST-QĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 11/01/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 26/01/2021.

1. Các bị cáo:

1.1. Bùi Văn D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1993; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: tại Buôn Bhook, xã Yang Tao, huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Bùi Văn L và bà Bùi Thị H có vợ là H và 02 con. Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 18/6/2020 (Có mặt)

2.2 Bùi Văn N; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975 Nơi cư trú: xóm Cối 2, xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị N có vợ là Quách Thị L và 03 con. Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 20/6/2020 (Có mặt).

2./ Người bị hại:

2.1/ Anh Vương Đình G, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số nhà 65B, tổ 28C phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, T1 phố Hà Nội (Vắng mặt có lý do)

3/ Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị cáo Bùi Văn D

Ông Bùi Đình T; Sinh năm: 1972

Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt có lý do)

3.1/ Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị cáo Bùi N

Bà Bùi Thị T; sinh năm 1985

Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt có lý do)

4/ Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

4.1/ Bùi Thị B, sinh năm: 1986.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4.2/ Bùi Văn N, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình(Vắng mặt)

4.3/ Phạm Văn G, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu M, T, TP S, tỉnh Thanh Hóa

4.4/ Cao Duy C, sinh năm: 1942 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, phường B, TP S, tỉnh Thanh Hóa

5/ Người làm chứng:

5.1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường X, quận B, T1 phố Hà Nội.

5.2. Bùi Văn Nhiệt T; sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, Bùi Văn D và Bùi Văn N quen biết khi đi làm thuê cho Đặng Văn P. Do quen biết nên vào ngày 26/7/2019, D và N được P gọi xuống nhà của P tại Thôn Ngải, xã Văn Phong để bàn bạc việc cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn dùng vật nói là đá thiên thạch (hay gọi là đồng đen, đồ cổ) giả để lừa bán cho người có nhu cầu mua rồi chiếm đoạt tiền đặt cọc của họ trong quá trình giao dịch mua bán. Sau khi D và N đồng ý thì P phân công nhiệm vụ cho N chịu trách nhiệm tìm địa điểm là ngôi nhà vắng tại huyện Y, tỉnh Hòa Bình để là nơi cho khách đến xem hàng. D sẽ là người sử dụng mạng xã hội Zalo và sử dụng tên tuổi địa

chỉ giả để liên lạc với khách trao đổi việc mua bán. Còn bản thân P nói đã có đá thiên thạch và khi gặp khách sẽ chịu trách nhiệm mang đến, thử tính chất cho khách xem. Sau khi chiếm đoạt được tiền đặt cọc của khách thì N và D sẽ được chia cho tiền (lúc này P chưa nói rõ chia cho bao nhiêu), khi nghe P nói vậy thì N và D đồng ý. Đến chiều cùng ngày P sử dụng máy điện thoại Samsung Galaxy J7 có lắp sim số 0389129078 của D để lập tài khoản Zalo với tên “Dòng Sông Âm Áp” rồi kết bạn chị Nguyễn Thị L qua số điện thoại 0981078098 (P biết trước) và yêu cầu D liên lạc để tìm người mua đá thiên thạch. Quá trình liên lạc với chị L thì D nói bản thân tên “Phúc” và có địa chỉ thường trú tại T1 phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình để tránh bị lộ lý lịch bản thân. Sau khi liên lạc được với chị L thì D hỏi có biết ai muốn mua đá thiên thạch không thì chị L nói có, nghe vậy D cho biết có người chú đang có một viên đá thiên thạch muốn bán, đồng thời tạo thêm lòng tin cho chị L bằng cách nói viên đá thiên thạch nặng khoảng 3,1 kg, có những tính chất là khi thả vào trong nước thì lơ lửng (không chìm xuống đáy và cũng không nổi hẳn lên mặt nước), làm đông thủy ngân khi để gần, làm vỡ gương khi đặt lên trên, đồng thời gửi đoạn clip liên quan đến thiên thạch cho L xem. Sau khi nói chuyện với D thì chị L liên lạc với anh Đinh Bá Đ nói có người muốn bán đá thiên thạch. Sau đó do anh Đ biết anh Vương Đình G là người muốn mua loại đá này nên đã liên lạc với anh G nói nội dung trên. Nhận được tin từ anh Đ thì anh G đồng ý mua, nếu kiểm tra đúng là đá thiên thạch. Sau đó anh G yêu cầu chị L liên lạc với D để hẹn ngày xem hàng, nếu mua được hàng sẽ trả tiền công cho chị L và anh Đ. Quá trình liên lạc chị L và D đã thống nhất việc cùng anh Vương Đình G gặp mặt nói chuyện về việc mua bán đá thiên thạch tại T1 phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình vào ngày 29/5/2019. Đối với D và P trong quá trình liên lạc với chị L đã bàn bạc dùng chứng minh nhân dân của người khác để dán ảnh D vào với mục đích khi gặp mặt, giao dịch sẽ cho khách xem tạo lòng tin đồng thời tránh việc lộ lý lịch thật sau này. Vì vậy D đã liên lạc với anh Phạm Văn G để nhờ tìm hộ chứng minh nhân dân thật của ai đó không sử dụng đến nói đưa cho D có việc cần dùng đến. Do D là con nuôi của mẹ đẻ anh Phạm Văn G nên anh Phạm Văn G đồng ý giúp, đồng thời vì biết tại nhà ông Cao Duy Chúc có một chứng minh nhân dân của Cao Duy G (đã chết) để trên bàn thờ từ lâu nên đến lấy và gửi cho D. Ngày 27/5/2019 sau khi nhận được chứng minh nhân dân mang tên Cao Duy G, số 173722822 thì D và P cùng đi đến thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình để chụp ảnh của D rồi dán vào chứng minh nhân dân mang tên Cao Duy G (đã sửa nơi đăng ký hộ khẩu thường trú T1 Đội 8, xã Tiến Phong, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là

địa chỉ không có thật), sau đó P giữ chứng minh thư này. Đến chiều ngày 29/5/2019 D một mình đi từ nhà P đến thị xã Tam Điệp sau đó gặp chị L, anh G, anh Đ và chị Nguyễn Thị Bích H, tại quán nước gần Bưu điện T1 phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình để nói chuyện về việc mua bán đá thiên thạch. Khi nói chuyện D bảo có ông chú muốn bán một viên đá thiên thạch nặng khoảng 3,1 kg, có những tính chất là khi thả vào trong nước thì lơ lửng (không chìm xuống đáy và cũng không nổi lên mặt nước), làm đông thủy ngân khi để gần, làm vỡ gương khi để lên trên. Nghe D nói vậy thì anh Vương Đình G đồng ý mua nhưng yêu cầu được xem hàng trước, lúc này D lấy máy điện thoại của mình gọi cho ông chú có đá thiên thạch (thực chất là gọi cho P nói chuyện). Khi nói chuyện điện thoại thì anh G được P yêu cầu gặp mặt tại một địa điểm do D thông báo sau để xem hàng. Sau khi thống nhất nội dung trên thì anh G, anh Đ, chị H đi về Hà Nội còn D và chị L ở lại T1 phố Tam Điệp, đến sáng ngày hôm sau D một mình đi về nhà tại huyện Lạc Sơn. Đối với Bùi Văn N sau khi bàn bạc thống nhất với P thì về nhà, đến ngày 30/5/2019 N đi đến xã Lạc Thịnh, huyện Y, tỉnh Hòa Bình và gặp ông Bùi Văn N, tại xóm C, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình hỏi mượn nhà của ông N nói để tiếp khách đến mua bán “đồ cổ” (không nói cụ thể bao nhiêu tiền và bán hàng gì) thì ông N đồng ý. Đến tối cùng ngày N điện thoại báo cho P biết về việc đã tìm được địa điểm để giao dịch mua bán thì P báo lại cho D biết và yêu cầu D liên lạc với chị L báo địa điểm và thống nhất thời gian giao dịch. Đến tối ngày 30/5/2019 D gọi điện thoại cho chị L rồi thông báo địa điểm và cùng thống nhất thời gian giao dịch là ngày 31/5/2019 thì tất cả đồng ý. Sau khi thống nhất địa điểm và thời gian giao dịch D báo cho P biết thì P yêu cầu D làm nhiệm vụ liên lạc với chị L để hướng dẫn đến địa điểm giao dịch, đồng thời P tiếp tục báo cho N biết thời gian giao dịch rồi yêu cầu N đến trước để đón P. Đối với L, Sau khi thống nhất với D thì chị L liên lạc thông báo thời gian địa điểm giao dịch cho anh Đ và anh Đ tiếp tục báo lại cho anh G biết thì anh G đồng ý. Sau đó, đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/5/2019 N điều khiển xe mô tô Dream, màu nâu, không rõ biển kiểm soát chở D đi từ huyện Lạc Sơn đến nhà ông N tại xóm C, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình và gặp ông N tại quán nước gần nhà, lúc này N tiếp tục hỏi ông N việc mượn nhà để giao dịch đồ cổ thì ông N nói là “không phải hàng cấm thì được”, lúc này N cam kết việc bản thân mượn nhà chỉ là giao dịch mua bán đồ cổ đồ gia truyền chứ không phải là hàng cấm nên ông N đã đồng ý và đi làm khỏi nhà, để lại nhà sàn không khóa cửa cho N mượn, còn D và N ở lại nhà ông N chờ P và nhóm chị L đến. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày thì P cùng một người xưng tên là Kỷ khoảng 55 tuổi,

cao khoảng 1,65 mét đi đến Phố Sáu và điện thoại cho N ra đón đưa vào nhà ông N. Lúc này do trời sắp mưa thì N có điện thoại cho cháu là Bùi Văn Nhiệt Tình nhờ mang áo mưa xuống đón thì Tình đồng ý và đi xe mô tô xuống. Nhóm chị L theo hướng dẫn của D thì đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày chị L, anh G, anh Đ và chị H đi từ tỉnh Ninh Bình đến được đoạn đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xóm Phố Sáu, xã Lạc Thịnh, thì D đã chờ sẵn để đón vào nhà ông N. Do phải chở hai người là chị L và anh G nên D đã gọi điện thoại cho N yêu cầu cho thêm xe ra chở khách vào, vì Tình vừa đến nên N đã nhờ tình đi xe mô tô ra đón người hộ thì Tình đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình ra đón đón người cùng D. Do thỏa thuận từ trước là chỉ L và anh G được giao dịch, xem hàng nên anh Đ, chị H ở lại xe ô tô tại Phố Sáu chờ, còn D điều khiển xe mô tô chở L, Tình điều khiển xe mô tô chở anh G đi vào nhà sàn nhà ông N. Khi vào tới nơi Tình ở ngoài quán nước trước nhà sàn ông N ngồi chơi, còn D, L, G đi lên nhà sàn ông N. Khi lên trên trong nhà sàn thì D, chị L, ông Kỷ và anh G cùng ngồi xuống chiếu uống nước nói chuyện, còn P (lấy tên giả là T1) nằm ở võng ngay cạnh. Lúc nói chuyện thì D giới thiệu ông Kỷ là chú ruột và có đá thiên thạch muốn bán. Ông Kỷ nói với anh G, khi xem xong hàng và đồng ý mua thì phải đặt cọc trước số tiền 400.000.000 đồng và sẽ đi đến nhà của D tại T1 phố Tạm Điệp, tỉnh Ninh Bình để tiếp tục giao dịch vì lý do an toàn thì anh G đồng ý. Sau đó Kỷ yêu cầu P (T1) đi lấy đá thiên thạch ra thử cho anh G xem, thì P đi vào trong buồng mang ra một hộp gỗ và một ca nước, rồi mở hộp gỗ lấy ra một vật hình thoi, màu đen dài khoảng 05cm, đường kính 0,5cm rồi thả vào trong ca đựng nước thì vật này lơ lửng trong nước, thấy vậy anh G tin là đá thiên thạch thật nên hỏi ông Kỷ giá thì được ông Kỷ cho biết sẽ bán viên đá này với giá 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) thì anh G đồng ý mua, đồng thời yêu cầu chờ thêm người đến kiểm tra lại hàng và giao dịch mua bán ngay tại đây. Tuy N ông Kỷ không đồng ý và nói ở lại không an toàn, sợ mất hàng nên yêu cầu anh G đặt cọc số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) rồi đi về nhà D tại T1 phố Tạm Điệp để tiếp tục kiểm tra hàng và giao dịch cho an toàn hơn thì anh G đồng ý. Sau đó anh G yêu cầu chị L đi ra xe ô tô gặp chị H để lấy tiền thì chị L đồng ý và được D bảo Tình điều khiển xe mô tô chở đi. Trong khi chị L đi lấy tiền thì anh G viết một tờ “giấy cam kết” với nội dung anh G đã đặt cọc tiền để mua đá thiên thạch của D. Tuy N khi viết giấy cam kết với D, khi P đưa chứng minh thư ra để anh Vương Đình G lấy thông tin thì anh G thấy giấy chứng minh nhân dân của D mang tên Cao Duy G nên có hỏi “tại sao tên là Phúc mà giấy chứng minh nhân dân lại tên là Cao Duy G” thì D, P (T1), Kỷ nói là Phúc

là tên thường gọi, còn Cao Duy G là tên thật. Nghe vậy anh G tin và tiếp tục viết giấy cam kết với người bán là Cao Duy G, địa chỉ tại Đội 8, xã Tiền Phong, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Một lúc sau chị L đi gặp chị H và lấy được số tiền 400.000.000 đồng (gồm 08 buộc tiền loại tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đ với mỗi buộc là 50.000.000đ) quay về đưa cho anh G và anh G đưa cho D. Sau khi giao nhận tiền thì anh G ký tên vào giấy cam kết với mục người mua, D ký vào mục người bán cam kết với tên là Cao Duy G, cùng ký tên vào mục người làm chứng gồm có P ký tên là Bùi Văn T1, ông K ký tên là Bùi Minh K và L ký tên là Nguyễn Thị L. Quá trình trên thì Bùi Văn N ở dưới nhà sàn, không trực tiếp ra giao dịch, thử hàng với những người khác. Sau khi giao tiền và ký giấy thì tất cả rủ nhau đi về T1 phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình như đã thỏa thuận từ trước. Trong khi chị L và anh G đi xuống nhà trước thì P cầm số tiền G đã đặt cọc (gồm 08 buộc tiền) chia cho D một buộc là 50.000.000 đồng nói là chia phần thì D cầm lấy cất vào túi quần. Khi đi thì tất cả thống nhất là D sẽ điều khiển xe mô tô chở K mang theo hàng và chị L đi cùng, còn anh G sẽ đi xe ô tô đi theo. Đối với N khi những người trên đi thì điều khiển xe mô tô kiểu dáng Dream, màu nâu cũ mượn của nhà ông N chở P ra phố Sáu để P bắt taxi bỏ trốn, còn bản thân điều khiển xe đi về nhà tại huyện Lạc Sơn. Trong quá trình đi khi D điều khiển xe mô tô đi đến đường quốc lộ 12B đoạn ngã ba thị trấn Hàng Trạm, huyện Y, tỉnh Hòa Bình thì K lấy lý do sợ Công an Giao thông bắt lỗi vi phạm chở ba người nên yêu cầu D dừng xe và nói sẽ bắt xe taxi về tỉnh Ninh Bình một mình. Lúc này chị L có đòi đi cùng K nhưng K không đồng ý và một mình cầm theo va ly màu đen đựng đá thiên thạch bắt xe taxi rồi bỏ trốn luôn. Sau khi K đã bỏ trốn, D liên lạc với P thì P yêu cầu D tìm cách bỏ lại L và trốn đi. Nghe vậy D điều khiển xe mô tô chở L đi lòng vòng trên các đoạn đường tại huyện Y, rồi lấy lý do sim điện thoại hết tiền và chở chị L đến cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Kiều Bá Hải, sinh năm 1978 trú tại xóm Đại Đồng, xã Ngọc Lương, huyện Y, tỉnh Hòa Bình rồi nhờ chị L đi vào mua hộ thẻ điện thoại. Trong khi chị L đi vào trong cửa hàng thì D điều khiển xe bỏ trốn luôn. Trong quá trình bỏ trốn D điện thoại cho P rồi hẹn gặp nhau tại đường quốc lộ 12B đoạn gần nhà máy xi măng X18 thuộc địa phận xã Ngọc Lương, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau khi hẹn được P thì trên đường đi đến xã Ngọc Lương D tắt máy điện thoại Sam Sung Galaxy J7, màu đen gắn sim số 0389129078 rồi vứt tại ven đường Quốc lộ. Cùng lúc này N khi đang ở nhà thì nhận được điện thoại của P báo đến nhà của P để lấy phần tiền chiếm đoạt được, nghe vậy N một mình đi xe mô tô đến nhà P. Đến khoảng 20 giờ N điều khiển xe mô tô đến nhà của P và cùng N bắt xe

taxi đi đón D như đã hẹn. Một lúc sau thì N, P gặp được đón được D và cùng đi về nhà P. Khi về đến nhà P thì N được P chia cho số tiền 40.000.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được. Trước lúc đi về thì D có lấy số tiền 10.000.000 đồng trong số tiền mình được chia đưa cho N nhờ mang về gửi cho gia đình của D chi tiêu nói là tiền làm ăn mà có. Sau khi chia tiền xong thì D đi đến bến xe huyện Nho Quan rồi bắt xe khách về nhà tại tỉnh Đắk Lắk để lẩn trốn. N cũng đi về nhà tại huyện Lạc Sơn, sau đó đưa số tiền 10.000.000 đồng cho chị gái của D là chị Bùi Thị B, sinh năm 1986 trú tại thôn Yên Sơn 1, Thạch Yên, Thạch T1, Thanh Hóa nói là tiền D đi làm ăn gửi về cho gia đình chi tiêu. Đến ngày 01/6/2019 N đến ngã ba chợ mía thuộc xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình gặp ông N và đưa cho N số tiền 10.000.000 đồng (như N khai báo) trả tiền công mượn nhà. Tuy N, N khai báo sau đó có tìm gặp ông N và lấy bớt lại số tiền 3.000.000 đồng. Đối với anh G sau khi biết chị L bị nhóm D cầm tiền và viên đá thiên thạch rồi bỏ trốn thì biết bản thân bị lừa nên sau đó đã trình báo với Công an huyện Y đề nghị giải quyết. Đến ngày 17/6/2020 Bùi Văn D đã đến Công an huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình và ngày 20/6/2020 Bùi Văn N cũng đã đến Công an huyện Y, Hòa Bình xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bản thân vào ngày 31/5/2019 tại xóm C, xã L, huyện Y, Hòa Bình.

Tại bản cáo trạng số 41/VKS-YT ngày 05/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy đã truy tố Bùi Văn D và Bùi Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3, điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát trong bản luận tội, tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 3, điều 174, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điều 38 điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn D** từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 3, điều 174, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điều 38 điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn N** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Buộc bị cáo Bùi Văn D phải bồi thường cho anh Vương Đình G số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), trả lại cho anh Vương Đình G số tiền Bùi Văn N đã nộp để khắc phục hậu quả.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

- Công bố bản luận cứ của TGVPL ông Bùi Đình T bảo vệ quyền lợi cho bị cáo D: Bị cáo D phạm tội lần đầu, ra đầu thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị Đặng Văn P lôi kéo và không có tình tiết tăng nặng; và đề nghị Hội Đồng Xét xử áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2, điều 17, Điều 58, điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D 07 năm tù

- Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp: Trong vụ án này bị cáo Bùi Văn D là người giúp sức tích cực, tham gia từ đầu đến cuối, sử dụng mạng xã hội Zalo để liên lạc trực tiếp với người mua thông qua chị Nguyễn Thị L. Dùng Chứng minh thư nhân dân giả để che dấu nhân thân của mình, được chia với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) số tiền tương đối lớn, bỏ trốn hơn một năm mới ra đầu thú. Do vậy Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo D từ 8 đến 9 năm tù là phù hợp với qui định của pháp luật.

- Công bố bản luận cứ của TGVPL bà Bùi Thị T bảo vệ quyền L cho bị cáo N: Bị cáo Nghi phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, có ông Nội và bố đẻ là người có công với cách mạng, ra đầu thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị Đặng Văn P lôi kéo và đã nộp tiền bồi thường cho người bị hại tại chi cục thi hành án dân sự huyện Y 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và không có tình tiết tăng nặng; và đề nghị Hội Đồng Xét xử áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2, điều 17, Điều 58, điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo Bùi Văn N từ 6 đến 07 năm tù. Đề nghị ông Bùi Văn N trả lại cho bị cáo N 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

- Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp: TGVPL đưa ra quan điểm tương đồng với Viện Kiểm sát, việc đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự Viện Kiểm sát không nhất trí lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo tham gia nhiệt tình trong việc tìm địa điểm mua bán đồ cổ và đưa đón Đặng Văn P, được chia với số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) do vậy Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 7 đến 7 năm 6 tháng tù là phù hợp

Các bị cáo không tranh luận

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng Hình sự:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, nhưng đã được tòa triệu tập hợp lệ, đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án do vậy việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo qui định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là rõ ràng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền L nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do quen biết nhau từ trước vì vậy ngày 26/5/2019 Bùi Văn D và Bùi Văn N đã được Đặng Văn P rủ rê cùng tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn: tìm khách để mua bán đồ cổ (hay còn gọi là “Đồng đen”, “Thiên thạch”), sau đó bắt khách đặt cọc rồi L d việc chuyển địa điểm giao dịch để chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện việc chiếm đoạt Bùi Văn D sử dụng tài khoản Zalo kết bạn với chị Nguyễn Thị L để nhờ tìm khách có nhu cầu mua thiên thạch, sau đó hai bên kết nối hẹn ngày, địa điểm và P thực giao dịch. Bùi Văn N chịu trách nhiệm tìm địa điểm phù hợp để thực hiện hành vi. Đến ngày 31/5/2019, Bùi Văn D, Bùi Văn N, Đặng Văn P và một người tên Kỷ (Chưa rõ danh tính, nhân thân) hẹn anh Vương Đình G tới khu nhà sàn của ông Bùi Văn N tại xóm C – Lạc Thịnh – Y – Hòa Bình để giao dịch. Sau khi anh G đặt cọc số tiền 400.000.000đ, nhóm của D, N, P, Kỷ đã yêu cầu chuyển địa điểm giao dịch trong quá trình di chuyển các những người này bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền đặt cọc 400.000.000đ của anh Vương Đình G.

Với hành vi như trên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Bùi Văn D, Bùi Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định.

[3] *Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng:*

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này, Đặng Văn P đóng vai trò chủ mưu và chủ đạo, khởi xướng đã chủ động liên lạc với các bị cáo khác để thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Văn D đóng vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, Bùi Văn N là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần phải bị xử lý N trước pháp luật, nhằm mục đích giáo dục các bị cáo phải có ý thức tuyệt đối tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật, đồng thời để đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này.

Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó theo quy định tại điều 17 và 58 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo có thái độ khai báo T1 khẩn, ăn năn, hối cải; Hai bị cáo là người dân tộc sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, sau khi phạm tội bỏ trốn đã ra đầu thú, bị cáo Bùi Văn N đã nộp lại toàn bộ số tiền được chia là 40.000.000đ để khắc phục hậu quả cho người bị hại, có bố đẻ là ông Bùi Văn Cẩm và ông nội là cụ Bùi Văn Sỏi là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015 tương ứng với từng bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly khỏi xã hội một thời gian đối với các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn N để giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy các bị cáo sống ở vùng kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra đã xác định rõ lỗi của từng bị cáo theo đó bị cáo Bùi Văn D được chia số tiền 50.000.000đ, bị cáo Bùi Văn N được chia số tiền 40.000.000đ còn lại số tiền 310.000.000đ Cơ quan điều tra chưa xác định do ai chiếm đoạt vì vậy đã tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau. Vì vậy căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, điều 587 và điều 589 Bộ luật dân sự buộc hai bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt trong phạm vi lỗi của mình. Tại cơ quan điều tra Bùi Văn N đã tự nguyện

giao nộp số tiền 33.000.000đ đã chiếm đoạt, trong giai đoạn xét xử tiếp tục tác động để gia đình nộp số tiền còn lại là 7.000.000đ theo biên lai thu số 0000588 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Tổng cộng là 40.000.000đ, số tiền trên là tiền do bị cáo được hưởng L từ số tiền của anh G vì vậy nay trả lại cho anh Vương Đình G. Đối với bị cáo Bùi Văn D đã được hưởng L số tiền 50.000.000đ từ số tiền đã chiếm đoạt được của anh Vương Đình G nay bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho anh G. Đối với số tiền bị cáo N bồi dưỡng cho ông N, ông N không biết tiền của bị cáo N đưa cho là do phạm tội mà có, ông N chiếm đoạt ngay tình. Còn hiện nay bị cáo N đã nộp tiền bồi thường cho anh Vương Đình G tại chi cục thi hành án dân sự huyện Y là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

Đối với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo N đã đưa cho ông N nếu thấy cần thiết thì bị cáo N đòi lại hoặc khởi kiện bằng 1 vụ án dân sự khác.

[8] *Biện pháp tư pháp*: Áp dụng điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho anh Vương Đình G số tiền bị cáo Bùi Văn N đã chiếm đoạt và tự nguyện giao nộp là 40.000.000đ.

+ Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trả lại cho ông Bùi Văn N 01 xe mô tô biển kiểm soát 28Y1-3152 và giấy chứng nhận đăng ký xe.

[8] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] *Các vấn đề khác*: Đối với Đặng Văn P hiện đã bỏ trốn Cơ quan điều tra đã tiến hành truy nã, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau. Đối với đối tượng tên Kỷ, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[9] *Lời nói sau cùng*: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn D và Bùi Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a, khoản 3, điều 174, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn D** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 17/6/2020.

- Áp dụng điểm a, khoản 3, điều 174, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn N** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 20/6/2020.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng: Điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, điều 587 và điều 589 Bộ luật dân sự:

- Anh Vương Đình G được nhận số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) do bị cáo Bùi Văn N tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu số 0000588 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

- Trả lại số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) do bị cáo Bùi Văn N tự nguyện giao nộp, cho anh Vương Đình G. Số tiền nêu trên đã nộp tại biên lai thu số 0000597 ngày 08/01/2021 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Y và Cơ quan điều tra Công an huyện Y. Tổng cộng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

- Buộc bị cáo Bùi Văn D phải bồi thường cho anh Vương Đình G số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2, điều 135, khoản 2, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Bùi Văn D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Bùi Văn N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- THAHS - DS huyện Y;
- Bị cáo;p
- Người bị hại
- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Cương

